**NỘI DUNG TỰ HỌC TUẦN 9.3.2020 ĐẾN 14.3.2020**

**MÔN NGỮ VĂN 10**

**Tiết 1: TÌNH CẢNH LẺ LOI CỦA NGƯỜI CHINH PHỤ**

(Trích *Chinh phụ ngâm*)

Nguyên tác chữ Hán: Đặng Trần Côn

Bản diễn Nôm: Đoàn Thị Điểm

Bài học này đã được gộp vào tuần 2.3 đến 7.3/2020 vì cùng nội dung nhưng tách thành 3 tiết

**Tiết 2: HS chép phần nội dung cần đạt vào tập**

**LẬP DÀN Ý BÀI VĂN NGHỊ LUẬN**

**A. Mục tiêu cần đạt:**

**1. Kiến thức:**

- Nắm được tác dụng của việc lập dàn ý và cách thức lập dàn ý cho bài văn nghị luận cho bài văn nghị luận.

- Lập được dàn ý cho bài văn nghị luận.

**2. Kĩ năng:**

- Vận dụng kiến thức đã học về văn nghị luận để lập được dàn ý cho một đề văn nghị luận.Thực hành lập dàn ý cho một số đề văn nghị luận.

**3. Thái độ:**

- Có ý thức và hình thành thói quen lập dàn ý trước khi viết bài văn nghị luận trong nhà trường cũng như ngoài cuộc sống.

**B. NỘI DUNG CẦN ĐẠT**

**I. Tác dụng của việc lập dàn ý:**

**1. Khái niêm:**

Là việc lựa chọn, sắp xếp những nội dung cơ bản dự định triển khai vào bố cục ba phần của bài văn.

**2. Tác dụng:**

- Giúp người viết bao quát được những nội dung chủ yếu cần triển khai,

- Bao quát được phạm vi, mức độ nghị luận.

🡪 Tránh được tình trạng xa đề, lạc đề, lặp ý, bỏ sót hoặc ý không cân xứng.

- Phân phối thời gian hợp lí khi làm bài.

🡪Có vai trò quan trọng, không thể thiếu khi viết bài văn nghị luận.

**II. Cách lập dàn ý bài văn nghị luận:**

**1. Tìm ý cho bài văn:**

- Luận đề: vấn đề trung tâm được đưa ra để bàn luận.

- Luận điểm: ý kiến thể hiện quan điểm, tư tưởng.

- Luận cứ: lí lẽ vận dụng để làm sáng tỏ luận điểm

Ví dụ:

Lập dàn ý cho đề văn nghị luận sau “bàn về vai trò và tác dụng to lớn của sách trong đời sống tinh thần của con người, nhà văn M. Go-rơ-ki có viết: “sách mở rộng trước mắt tôi những chân trời mới”.

a. Xác định luận đề:

Sách mở rộng trước mắt tôi những chân trời mới.

b. Xác định luận điểm: 3 luận điểm

- Sách là sản phẩm tinh thần kì diệu của con người.

- Sách mở rộng những chân trời mới.

- Cần có thái độ đúng với sách và việc đọc sách.

c. Tìm luận cứ cho luận điểm:

- Luận điểm 1: 3 luận cứ

+ (a1) Sách là sản phẩm tinh thần kì diệu của con người.

+ (b1) Sách là kho tàng tri thức.

+ (c1) Sách giúp ta vượt qua thời gian, không gian(biết được qua khứ, hiện tại, biết được nhiều nơi trên thế giới…)

- Luận điểm 2: 2 luận cư

+ (a2) Sách giúp ta hiểu biết về mọi lĩnh vực tự nhiên và xã hội.

+ (b2) Sách là người bạn, người thầy, sách tốt giúp ta hoàn thiện nhân cách.

- Luận điểm 3: 3 luận cứ

+ (a3) Đọc và học theo sách tốt, phê phán sách xấu. Học những điều hay trong sách và học trong thực tế cuộc sống.

+ (b3) Tạo thói quen lựa chọn, đọc và học theo sách tốt.

**2. Lập dàn ý:**

- Mở bài: giới thiệu vấn đề

Ví dụ: mở bài trực tiếp: giới thiệu vấn đề nghị luận: vai trò và tác dụng của sách, dẫn câu nói của M.Go rơ ki vào.

- Thân bài: Sắp xếp luận điểm, luận cứ đã tìm được theo một trình tự khoa học.

+ Luận điểm 1: luận cứ a1, b1, c1

+ Luận điểm 2: luận cứ a2, b2, c2

+ Luận điểm 3: luận cứ a3, b3, c3

- Kết bài:

+ Kết bài đóng là khái quát lại vấn đề. Ví dụ: Sách có vai trò và tác dụng to lớn đối với đời sống tinh thần của con người. Là kho tàng tri thức của nhân loại, là người bạn, người thầy giúp ta tự hoàn thiện bản thân. Đúng như nhà văn M. Go rơ ki đã nói “sách mở rộng trước mắt tôi những chân trời mới”.

+ Kết bài mở : mở rộng, nâng vấn đề lên một khía cạnh khác để người đọc suy nghẫm. ví dụ: Sách có vai trò và tác dụng vô cùng to lớn đối với đời sống tinh thần của con người. thế nhưng tình hình thị trường sách hiện nay rất phức tạp: số lượng sách nhiều, chất lượng một số sách không được kiểm chứng, nhiều sách có hại…Vấn đề đặt ra hiện nay là dường như giới trẻ rất ít đọc sách khi có quá nhiều kênh thông tin, giải trí đang lôi cuốn.

**III. Luyện tập:**

**1. Bài tập 1:**

a. Bổ sung ý còn thiếu:

- Đức và tài có quan hệ khăng khít với nhau trong mỗi con người.

- Cần phải thường xuyên rèn luyện, phấn đấu để có cả tài và đức.

b. Lập dàn ý:

- Mở bài:

+ Giới thiệu lời dạy của Bác.

+ khẳng định đây là bài học quý giá có ý nghĩa sâu sắc với việc rèn luyện tu dưỡng của từng cá nhân

+Chúng ta cần tiếp thu học hỏi lời dạy của Bác

- Thân bài:

+ Giải thích câu nói.

* Giải thích khái niệm tài và đức.
* Có tài mà không có đức là vô dụng.
* Có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó.
* Đức và tài quan hệ khắng khích với nhau.

+ Ý nghĩa lời dạy của Bác có ý nghĩa sâu sắc đối với việc rèn luyện, tu dưỡng của từng cá nhân.

- Kết bài: + Mỗi người muốn thành công để trở thành người có ích trong xã hội thì cần có đủ tài và đức.

+ Cần phấn đấu và rèn luyện để có đủ tài và đức

**2. Bài tập về nhà:**

- Mở bài:

+ Lời mở đầu: dẫn câu tục ngữ.

+ Giá trị của câu tục ngữ.

- Thân bài:

+ Ý nghĩa của câu tục ngữ.

+ Bài học của câu tục ngữ.

+ Đánh giá: mặt đúng và chưa đúng.

+ Rút ra bài học cho bản thân.

- Kết bài: khẳng định nội dung, ý nghĩa của câu tục ngữ.

**Tiết 3: Yêu cầu: HS chép phần nội dung cần đạt vào tập – đây là nội dung quan trọng thi HKII**

**TRUYỆN KIỀU**

**(PHẦN 1 - TÁC GIẢ)**

**A. Mục tiêu cần đạt:**

**1. Về kiến thức:**

Giúp HS nắm được:

- Một số phương diện tiểu sử tác giả (hoàn cảnh xã hội, những nhân tố đời riêng) góp phần lí giải sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Du).

- Nắm vững nhũng điểm chính yếu trong sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Du.

- Nắm được một số đặc điểm cơ bản của nội dung và nghệ thuật Truyện Kiều Nguyễn Du.

**2. Về kĩ năng:**

- Nhìn nhận sự tiếp nhận với mức độ phổ thông một đỉnh cao văn học.

**3. Về thái độ :**

- Nâng niu trân trọng trước những đóng góp của Đại thi hào Nguyễn Du.

**4 Lời vào bài:**

Cuối năm 1965, khi cả dân tộc ta háo hức kỉ niệm 200 năm ngày sinh đại thi hào dân tộc Nguyễn Du, nhân dịp công tác qua quê hương Nguyễn Du, Tố Hữu đã viết bài thơ nổi tiếng “kính gửi cụ Nguyễn Du”. Tố Hữu bày tỏ lòng ngưỡng mộ của mình và cũng là của mọi người dân Việt Nam với Nguyễn Du và “Truyện Kiều” trong những lời thơ đặc sắc: Tiếng thơ ai động đất trời/Nghe như non nước vọng lời ngàn thu/Ngàn năm sau nhớ Nguyễn Du/Tiếng thương như tiếng mẹ rụ những ngày/Hỡi người xưa của ta nay/Khúc vui xin lại so dây cùng người. Bìa học hôm nay, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu những nét cơ bản nhất về cuộc đời và sự nghệp của ông.

**B. NỘI DUNG CẦN ĐẠT**

**. Cuộc đời :**

- Nguyễn Du (1765 – 1820 ), tên chữ : Tố Như hiệu là Thanh Hiên, quê Nghi Xuân - Hà Tĩnh.

- Cha là Nguyễn Nghiễm, mẹ là Trần Thị Tần

🡪 Nguyễn Du may mắn được tiếp nhận truyền thống văn hóa của nhiều vùng khác nhau.

- Thời thơ ấu và niên thiếu Nguyễn Du sống tại Thăng Long trong một gia đình phong kiến quyền quý. Thân phụ là tể tướng triều Lê- Trịnh và mất lúc Nguyễn Du mới 10 tuổi đến 13 tuổi mẹ mất, Nguyễn Du sống với Nguyễn Khản – anh cùng cha khác mẹ Nguyễn Du có nhiều điều kiện dùi mài kinh sử, hiểu biết về cuộc sống phong lưu của giới quý tộc phong kiến.

- Năm 1783 thi Hương đỗ tam trường và được tập ấm chức quan võ ở Thái Nguyên.

- Năm 1789 Nguyễn Du rơi vào cuộc sống đầy khó khăn gian khổ hơn chục năm. Chính vì vậy ông có vốn sống thực tế phong phú, nắm vững ngôn ngữ nghệ thuật dân gian, đã góp phần hình thành tài năng và phong cách sáng tạo của Nguyễn Du.

- Năm 1802 ra làm quan dưới triều Nguyễn được thăng tiến nhiều chức vụ quan trọng.

- Năm 1813 ông làm chánh xứ đi Trung Quốc để lại dấu ấn sâu đậm trong thơ văn.

- Năm 1820 được cử đi Trung Quốc, nhưng lần này chưa kịp lên đường thì ông mất.

- Năm 1965 Hội đồng Hòa bình thế giới công nhận Nguyễn Du là danh nhân văn hóa thế giới.

\***Những yếu tố kết tinh nên một thiên tài Nguyễn Du**.

- Thời đại : đó là một thời đại đầy bão táp của lịch sử. Những cuộc chiến tranh dai dẳng, triền miên giữa các tập đoàn phong kiến đã làm cho cuộc sống xã hội trở nên điêu đứng, số phận con người bị chà đạp thê thảm.

- Quê hương và gia đình : Quê hương núi Hồng sông Lam cùng với truyền thống gia đình khoa bảng lớn cũng là một yếu tố quan trọng làm nên thiên tài Nguyễn Du.

- Bản thân cuộc đời gió bụi, phiêu bạc trong loạn lạc chính là yếu tố quan trọng nhất để Nguyễn Du có vốn sống và tư tưởng làm nên một đỉnh cao văn học có một trong hai : “Truyện Kiều”.

**II. Sự nghiệp văn học :**

**1. Các sáng tác chính :**

**a. Sáng tác bằng chữ Hán :**

- Thanh Hiên thi tập ( 78 bài ).

- Nam trung tạp ngâm ( 40 bài ).

- Bắc hành tạp lục ( 131 bài ).

🡪 Thể hiện tư tưởng, tình cảm, nhân cách của Nguyễn Du. Ca ngợi và đồng cảm với các nhân cách cao thượng, phê phán những nhân vật phản diện. Phê phán xã hội phong kiến, chà đạp quyền sống con người. Cảm thông với những thân phận nhỏ bé bị đày đọa, hắt hủi.

**b. Sáng tác bằng chữ Nôm :**

\*Tác phẩm “Truyện kiều”

- Nguồn gốc : Từ cốt truyện Kim Vân Kiều truyện của Thanh Tâm Tài Nhân ( Trung Quốc ) với tài năng nghệ thuật bậc thầy, nhất là với tấm lòng nhân đạo bao la, Nguyễn Du đã sáng tạo ra một kiệt tác văn chương bất hủ.

- Sự sáng tạo của Nguyễn Du

+ Về nội dung : Từ câu chuyện tình của Thanh Tâm Tài Nhân, Nguyễn Du đã tạo ra một “Khúc ca mới đứt ruột” ( Đoạn trường tân thanh ), nhấn vào nỗi đau bạc mệnh và gửi gắm những xúc cảm về nhân sinh của nhà thơ trước “những điều trông thấy”.

+ Về nghệ thuật : Lược bỏ các tình tiết về mưu mẹo, về báo oán, ... ( trong tác phẩm của Thanh Tâm Tài Nhân ), bằng thể lục bát truyền thống, với một ngôn ngữ trau chuốt tinh vi, chính xác đến trình độ cổ điển, trong một truyện thơ Nôm, Nguyễn Du tập trung thể hiện nội tâm nhân vật một cách tài tình.

- Nội dung tư tưởng :

+ Tiếng khóc cho số phận con người : khóc cho tình yêu trong trắng, chân thành bị tan vỡ, khóc cho tình cốt nhục bị lìa tan, khóc cho nhân phẩm bị chà đạp, khóc cho thân xác con người bị đày đọa.

+ Lời tố cáo mạnh mẽ, đanh thép : tố cáo thế lực đen tối trong xã hội phong kiến, phanh phui sức mạnh làm tha hóa con người của đồng tiền. Bị ràng buộc bởi thế giới quan trung đại, Nguyễn Du cũng lên án tạo hóa và số mệnh, nhưng bằng trực cảm nghệ sĩ, ông đã vạch ra đúng ai là kẻ chà đạp quyền sống của con người trong thực tế.

+ Bài ca tình yêu tự do và ước mơ công lí.

- Nghệ thuật :

+ Nghệ thuật xây dựng nhân vật.

+Nghệ thuật kể chuyện.

+ Nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ.

- Kết luận : Truyện Kiều là kiệt tác số một của văn học dân tộc Việt Nam, di sản văn học của nhân loại , là một “tập đại thành” của truyền thống nghệ thuật, văn hóa Việt Nam, tiêu biểu cho cảm hứng nhân đạo chủ nghĩa , vừa là niềm thương cảm sâu sắc, là tấm lòng “nghĩ tới muôn đời”, vừa là thái độ nâng niu, trân trọng những giá trị nhân bản cao đẹp của con người.

\*“Văn chiêu hồn” thể hiện một phương diện quan trọng của chủ nghĩa nhân đạo trong sáng tác Nguyễn Du.

**2.** **Một vài đặc điểm về nội dung và nghệ thuật**

**a. Nội dung** :

- Nội dung quan trọng hàng đầu trong thơ chữ Hán, Truyện Kiều, văn chiêu hồn là tình cảm chân thành, sự cảm thông sâu sắc của Nguyễn Du đối với cuộc sống và con người nhỏ bé, bất hạnh, người phụ nữ có sắc đẹp, có tài năng.

- Đề cao vấn đề mới trong chủ nghĩa nhân đạo là phải trân trọng những giá trị tinh thần và chủ thể sáng tạo.

**b. Nghệ thuật :**

- Làm thơ theo thể ngũ ngôn cổ thi, ngũ ngôn luật, thất ngôn luật, ca hành, ...

- Thơ chữ Hán nhiều bài xuất sắc.

- Thơ chữ Nôm làm giàu cho tiếng Việt, góp phần trau dồi ngôn ngữ văn học dân tộc, thể thơ lục bát đã chứng tỏ khả năng chuyển tải nội dung tự sự và trữ tình to lớn của truyện thơ.

**III. Kết luận :**

Nguyễn Du là một nhà thơ nhân đạo chủ nghĩa tiêu biểu của văn học Việt Nam trung đại. Ông có đóng góp to lớn đối với văn học dân tộc về nhiều phương diện nội dung và nghệ thuật, xứng đáng được gọi là thiên tài văn học.

Tiết 4: **Tiết 4 tuần 2.3 đến 7.3.2020 và tiết 4 tuần 9.3 đến 14.3.2020**

TẬP VIẾT ĐOẠN VĂN PHÂN TÍCH, BÌNH LUẬN:

**TÌNH CẢNH LẺ LOI CỦA NGƯỜI CHINH PHỤ**

(Trích *Chinh phụ ngâm*)

Nguyên tác chữ Hán: Đặng Trần Côn

Bản diễn Nôm: Đoàn Thị Điểm

**Bài học này đã được hướng dẫn ở tiết 4 tuần 2.3 đến 7.3.2020**